

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ tháng 9 năm 2020

%

	Tháng 9 năm báo cáo so với				Bình quân quý III năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019	Bình quân 9 tháng năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019
	Kỳ gốc	Tháng 9 năm 2019	Tháng 12 năm 2019	Tháng 8 năm 2020		
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	102,04	103,33	100,27	100,17	103,50	101,71
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	105,74	114,85	107,53	100,12	115,21	100,96
<i>Trong đó:</i> Lương thực	104,63	114,33	113,81	100,82	114,22	100,49
Thực phẩm	108,45	116,48	105,65	99,99	117,26	101,27
Ăn uống ngoài gia đình	100,03	110,28	108,79	99,98	109,62	100,53
Đồ uống và thuốc lá	102,98	100,98	101,31	99,80	101,26	100,28
May mặc, mũ nón và giày dép	103,05	101,60	100,54	99,99	101,74	100,21
Nhà ở và vật liệu xây dựng	102,69	94,24	91,59	100,86	93,79	102,47
Thiết bị và đồ dùng gia đình	102,29	101,94	101,32	99,93	101,93	100,51
Thuốc và dịch vụ y tế	100,08	100,13	100,11	100,00	101,25	100,05
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ y tế	100,00	100,00	100,00	100,00	101,24	100,00
Giao thông	88,56	84,61	84,00	99,84	83,78	109,32
Bưu chính viễn thông	100,02	99,99	99,99	99,99	100,04	100,01
Giáo dục	101,66	101,11	100,75	100,57	101,42	100,27
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ giáo dục	101,76	100,70	100,70	100,70	100,77	100,23
Văn hoá, giải trí và du lịch	101,91	97,51	97,57	99,87	97,68	100,24
Hàng hóa và dịch vụ khác	101,72	104,13	103,90	100,05	104,8	101,07
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	130,25	131,54	130,25	100,17	133,48	112,64
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	100,17	95,86	100,14	100,00	95,79	99,16